

NHỮNG BIẾN ĐỔI CƠ BẢN TRONG LỐI SỐNG CỦA NÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

NGÔ THỊ PHƯỢNG

TÓM TẮT

Bài viết đề cập đến những biến đổi cơ bản trong lối sống của nông dân Việt Nam hiện nay dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và sự phát triển của kinh tế thị trường. Lối sống của một bộ phận nông dân, văn hóa cộng đồng nông thôn đang có nhiều biến đổi, nhất là ở các địa phương có sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phục vụ đô thị hóa, du lịch và văn hóa. Sự biến đổi đó thể hiện trong hầu hết các yếu tố cấu thành lối sống của nông dân, như phương thức lao động, tiêu dùng, tư duy, lối ứng xử và tín ngưỡng, tính nhân văn trong cộng đồng, phong tục, tập quán. Sự tiếp biến các hiện tượng trong lối sống diễn ra ngày một nhanh và theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực.

1. BIẾN ĐỔI TRONG PHƯƠNG THỨC LAO ĐỘNG, SẢN XUẤT

Nông dân là lực lượng lao động chính trong sản xuất nông nghiệp. Khi nói đến phương thức lao động của nông dân là nói đến tính chất, trình độ và các loại hình lao động, sản xuất mà người nông dân thực hiện để tạo ra của cải, duy trì sự tồn tại của chính mình và đáp ứng cung cầu trong

cộng đồng khu vực (làng/xã). Lịch sử dân tộc Việt Nam cho thấy, cho đến thời kỳ trước đổi mới, lao động của nông dân Việt Nam mang nặng tính cá thể, tự phát trên cơ sở kỹ thuật canh tác lạc hậu, manh mún. Kinh nghiệm và thói quen là nguyên tắc cơ bản trong lao động của nông dân. Nguyên nhân dẫn đến hiện trạng lao động và canh tác trên chủ yếu do những yếu tố khách quan mang lại, như cơ chế quản lý, tâm lý và nhận thức truyền thống của người Việt “trọng nông, ức thương”, “dĩ nông vi bản” thể hiện và tồn tại lâu dài trong lịch sử. Các yếu tố trên tạo ra lối sống “khép kín”, “tự cung, tự cấp” và hiếm có sự va đập với lối sống ngoại vi khác.

Hiện nay, mở rộng của đô thị hóa, sự hình thành các thành phần kinh tế trong kinh tế thị trường, trong đó có sự phát triển của đô thị đã làm cho ruộng đất canh tác bị thu hẹp dần, phương thức lao động đang có sự biến đổi. Và tất yếu, lối sống của người nông dân có sự thay đổi, thậm chí có vùng/địa phương/làng/xã xuất hiện những biểu hiện “đột biến lạ” trong lối sống.

Hình thành và phát triển sự phân công, chuyên môn hóa trong lao động của người nông dân. Tính chất thủ công của công cụ sản xuất và lao động đang từng bước được thay thế bằng tính hiện đại, với việc áp dụng ngày càng nhiều công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Lao động thuần nông, trực tiếp tạo ra nông sản (giá trị sử dụng)

Ngô Thị Phượng. Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội.

chuyển sang lao động nông nghiệp hàng hóa và phi nông nghiệp, vừa trực tiếp tạo ra giá trị sử dụng và lại vừa tạo ra giá trị. Trong sản xuất nông nghiệp, chuyển từ sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Lao động có tính ổn định về nghề nghiệp chuyển sang lao động thường xuyên có sự biến đổi. Quan niệm nông dân là người lao động nông nghiệp cũng không còn hoàn toàn chính xác nữa. Cùng là một người nông dân, họ có thể vừa làm nghề nông, vừa làm nghề thủ công hoặc dịch vụ du lịch, dịch vụ văn hóa và thậm chí làm công hưởng chế độ lương như công nhân.

Phương thức lao động để tồn tại của người làm nghề nông ở những nơi có ruộng đất chuyển đổi mục đích sử dụng phi nông nghiệp ngày càng đa dạng, phong phú. Sự chuyển đổi càng nhanh, thì diễn biến của phương thức lao động càng “gấp” và “quá” so với “vốn trình độ” sẵn có của người nông dân. Nông dân có nhiều cơ hội để thu nhập, nhằm duy trì cuộc sống của cá nhân người lao động và gia đình. Mức thu nhập có phần được nâng cao, đời sống vật chất của nông dân được cải thiện. Tuy nhiên, hiện tượng thiếu việc làm của một bộ phận không nhỏ trong nông thôn xuất hiện và mức độ ngày một gia tăng, bao gồm mọi tầng lớp, giới và lứa tuổi (Trần Thị Minh Ngọc, 2010, tr. 85-213). Hiện tượng tái nghèo đối với người nông dân không phải là xa lạ.

Nguyên nhân của hiện tượng này là một số nông dân không thích ứng được “tức thời” với tốc độ tác động nhanh của cơ chế thị trường. Mặt khác, do bị thu hồi đất canh tác “đột ngột” (chủ yếu là đất ruộng) để chuyển đổi mục đích sử dụng, trong khi người nông dân chưa có được một nghề

để thay thế. Đó là một trong những yếu tố dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo nhanh, tệ nạn xã hội nảy sinh, mâu thuẫn trong quan hệ ứng xử cộng đồng xuất hiện và tâm lý “trọng tình, trọng đức, trọng văn” của giá trị truyền thống “cây đa, giếng nước, sân đình” dần bị nhạt mờ. Và hiện tại, tuy còn cá biệt, tính cộng đồng trong “xã”, “tổng” của người nông dân không còn nữa, chỉ vì “mất ruộng”.

2. BIẾN ĐỔI TRONG CÁCH THỨC, NHU CẦU TIÊU DÙNG VÀ SINH HOẠT

Cách thức tiêu dùng của con người trong mỗi giai đoạn lịch sử đã tạo nên văn hóa tiêu dùng đặc trưng cho giai đoạn lịch sử đó. Lối tiêu dùng “vại cà, chum tương”, “buôn tàu buôn bè, không bằng ăn dè hà tiện” của nông dân Đồng bằng Bắc Bộ nói riêng và nông dân Việt Nam nói chung đã tạo quỹ vật chất giúp họ tồn tại trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước. Thế hệ tiếp nối luôn được khuyên dạy: “áo mặc miễn cho ấm cật, cơm ăn chẳng lo kém mùi”. Việc ăn, mặc, ở của nhà nông cũng mang đậm đặc trưng văn hóa nông nghiệp lúa nước. Bữa ăn truyền thống của người Việt thường có ba thành phần chính là cơm, rau, cá. Dụng cụ mà người Việt dùng trong bữa ăn là đôi đũa. Chất liệu người Việt sử dụng để mặc là tơ tằm, còn vật liệu làm nhà là tre, nứa, gỗ, đất. Những tư liệu tiêu dùng của người Việt đều là sản phẩm chính, trực tiếp của nền sản xuất nông nghiệp, nghiêng về trồng trọt và theo nguyên tắc tự cung, tự cấp. Không chỉ như vậy, thiết kế trang phục (về màu sắc, kiểu dáng quần áo) và nhà ở (khuôn viên nhà, sân phơi, hệ thống sử dụng phụ) của người Việt cũng phù hợp với đặc điểm tự nhiên, khí hậu ở khu vực nông thôn.

Chẳng hạn, độ dày mỏng của tường nhà đất có liên quan đến giữ nhiệt mùa đông và chống nóng mùa hè. Quần áo thường màu trầm, để phù hợp với công việc cày cấy. Người nông dân vùng núi thường sống ở nhà sàn để chống nóng ẩm, thú dữ và các loại côn trùng khác.

Hiện nay, cách thức tiêu dùng của con người, gia đình nhà nông đã có sự thay đổi căn bản. Từ thành phần của bữa ăn, cho đến chất liệu và thiết kế trang phục, vật liệu xây dựng nhà ở đã bị pha trộn, nghiêng về tính hiện đại. Nguyên tắc “ăn no, mặc ấm” thay thế dần thành “ăn ngon, mặc đẹp”. Cơ cấu bữa ăn được cải thiện theo hướng gia tăng sản phẩm từ chế biến công nghiệp và sự trao đổi hàng hóa. Trang phục và thiết kế nhà ở ngày càng đa dạng, phong phú và hiện đại, theo xu hướng Tây hóa. Hình ảnh của những chiếc áo cánh màu trầm đã dần dần mất đi, thay vào đó là trang phục đủ mọi màu sắc, kiểu dáng. Kiểu nhà ống, nhà tầng, khu chung cư thay thế dần nhà đất mái tranh hay nhà sàn truyền thống. Nhìn chung, xu hướng bê tông hóa không chỉ trong xây dựng nhà ở mà cả hệ thống đường đi, kênh mương... và đã trở thành tính phổ biến “cứng” trong lối sống của người nông dân hiện nay. Cấu trúc sinh hoạt làng/xã lấy trung tâm là “cây đa, giếng nước, sân đình” đang được chuyển dạng “tổ dân phố”.

Số liệu thống kê của một số đề tài cấp Nhà nước về sự tác động của công nghiệp hóa và thực trạng của lối tiêu dùng người nông dân hiện nay cho thấy, mức sống, điều kiện sống được nâng cao hơn trước. Nhưng, bên cạnh đó, sự xuất hiện hiện tượng xa hoa, lãng phí, hình thức, đang có cơ hội phát triển. Nhiều gia đình nông dân,

khi nhận được khoản tiền đền bù, giải phóng mặt bằng đã có dịp “đổi đời”, như xây nhà, tậu xe và mua sắm nhiều sản phẩm tiêu dùng hiện đại khác. Bức tranh đồng màu của lối sống truyền thống được thay thế bằng các mảng lớn đa màu sắc, có nguy cơ chiếm ưu thế.

3. BIẾN ĐỔI TRONG QUAN HỆ ỨNG XỬ

Quan hệ ứng xử của người nông dân thể hiện trên hai phương diện: ứng xử với tự nhiên và xã hội. Với tự nhiên, trong truyền thống, người nông dân gắn kết với nó theo duy lý “thuận”, “hòa đồng” và thậm chí “sùng bái”. Tín ngưỡng dân gian, lễ hội truyền thống và phương thức canh tác của người Việt đã phản ánh đặc điểm trên.

Còn trong quan hệ xã hội, lối ứng xử giữa người nông dân với nhau trong cộng đồng mang nặng và đậm tính làng xã, tính cộng đồng khu vực. Các yếu tố gia đình, làng, xã đã quyện vào nhau trong mỗi cá thể và cộng đồng lao động, sinh sống của nông dân Việt Nam. Lối sống trọng tình, trọng đức, trọng sự hòa hiếu, được hình thành trên cơ sở đó. Họ nhắc nhở nhau: “Sống vì tình, vì nghĩa, chứ không ai sống vì đĩa xôi đầy”, hay “Lời nói chẳng mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”... Tính cộng đồng là cơ sở, nguồn gốc hình thành và vun đắp giá trị yêu nước, tinh thần dân tộc và giá trị nhân văn của người nông dân và cũng là những yếu tố tạo nên sức mạnh nội sinh của con người, của dân tộc Việt Nam.

Lối ứng xử với tự nhiên và xã hội của người nông dân Việt Nam được nảy sinh, phát triển trên cơ sở nền kinh tế nông nghiệp, phụ thuộc nhiều vào sự biến đổi thuận/nghịch từ tự nhiên, lại bị ràng buộc

trong khuôn khổ làng xã. Bởi vậy, nhận thức và hành động thân thiện với tự nhiên, trọng tình trong lao động và môi trường sống bó gọn trong “lũy tre làng” đã trở thành thuộc tính, giá trị ứng xử truyền thống của người nông dân Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

Đến nay, trước những biến đổi về cách thức lao động, tiêu dùng, những giá trị ứng xử của lối sống truyền thống vẫn còn lưu đậm, đặc biệt là trong cộng đồng nông dân ở các vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nhưng, xen vào đó, đã có những tiếp biến không nhẹ trong lối sống. Từ thái độ thuận theo tự nhiên để tồn tại dần chuyển sang khai thác sự ưu đãi của tự nhiên, cải biến tự nhiên theo sự đòi hỏi “gấp gáp” của con người và mong muốn “làm chủ” nó một cách vô thức. Con người, với sức mạnh của trí tuệ và tính cộng đồng không chỉ dừng ở việc thích ứng và chống đỡ tự nhiên, mà đã chủ động gây ra các “hành vi ngược” đối với tự nhiên, cản trở sự vận động theo quy luật của tự nhiên theo lối nghĩ “ngiên đồng đổ nước ra sông” và rồi lại “ngiên sông đổ nước vào đồng”.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, ở khu vực nông thôn, tính cộng đồng, thái độ trọng tình, thân hữu vẫn được coi là gốc để xây dựng sự phát triển bền vững trong môi trường xã hội, đang được khai thác và phát huy sức mạnh nhằm xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, để thích ứng được môi trường “nóng”, “lạnh” do tác động của đô thị hóa, công nghiệp hóa, du lịch hóa... thì chính nội tại của các hiện tượng văn hóa trong lối sống cổ truyền trên này nở những hạn chế, bất cập trong cuộc sống hiện đại. Mặt khác, ở một bộ

phận nông dân, nhất là nhóm người thuộc thế hệ trẻ đang có sự suy giảm về tinh trách nhiệm cộng đồng và lối sống mang nhiều biểu hiện của văn hóa ngoại. Tính cá nhân đang có nhiều cơ hội phát triển, thậm chí trở thành chủ nghĩa cá nhân và lối sống thực dụng. Điều này thể hiện ở sự thờ ơ, vô cảm, thiếu nhiệt tình của lớp trẻ với những hoạt động tập thể, cộng đồng.

Như vậy, trong quan hệ ứng xử với tự nhiên, con người đã vươn lên làm chủ tự nhiên và đồng thời cũng tàn phá môi trường tự nhiên. Hàng loạt nhà máy, khu công nghiệp, làng nghề dồn chất thải ra môi trường, làm ô nhiễm hệ thống sông ngòi và nguồn nước. Các loại thuốc trừ sâu, diệt cỏ và kích thích khác đã làm cho không ít các loài động thực vật có ích cho con người biến mất.

Trong quan hệ xã hội, ở một chừng mực nào đó, con người cũng đã làm chủ xã hội, làm chủ bản thân. Tính cá nhân, tính thực dụng dần được khẳng định trong ứng xử. Song, điều này lại dẫn đến hiện tượng sùng bái cái tôi, biến nó thành chủ nghĩa cá nhân. Dường như tính cộng đồng, tinh thần tập thể đã trở thành thứ xa xỉ, nhất là với lớp trẻ.

4. BIẾN ĐỔI TRONG TƯ DUY

Tư duy biện chứng của người phương Đông nói chung mang đặc trưng trực quan, trực giác, có sự mềm dẻo, chú ý nhiều đến định tính, và cũng là đặc trưng của tư duy người Việt. Trong đó, tư duy kinh nghiệm, trực quan có sự ưu trội hơn so với tư duy lý luận, trừu tượng. Nhà nghiên cứu văn hóa làng xã Phan Đại Doãn khi viết về người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ đã nhận định: “Phương thức tư duy của

người Việt - đặc biệt ở đồng bằng Bắc Bộ là *trọng thực tiễn, thực dụng, kinh nghiệm và bình quân*. Cuộc sống của dân làng luôn luôn gặp khó khăn, bởi vậy họ chỉ nghĩ đến hiện tại, giản dị, cần cù, không có suy tư phức tạp, tránh thù ghét, mạo hiểm” (Phan Huy Lê-Vũ Minh Giang chủ biên, 1999, tập 1, tr. 320). Lối tư duy này vẫn còn lưu tồn khá rõ, song không còn nguyên vẹn đối với người nông dân hiện nay. Trong lao động, sản xuất, việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại ngày càng trở thành phổ biến, thay thế cho nguyên tắc lao động dựa vào kinh nghiệm, vào “trăm hay không bằng tay quen”. Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên đã tạo nên thái độ thụ động và sự ổn định trong cuộc sống và tư duy hướng nội của người nông dân. Điều này có sự thay đổi căn bản bởi, sự phát triển và tác động của kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa đã buộc người nông dân phải năng động hơn, tính toán nhiều hơn trong việc sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Sự phát triển của khoa học và ảnh hưởng của nó trong đời sống đã dẫn đến tư duy khoa học (lý luận) đang dần thay cho tư duy kinh nghiệm của người nông dân xưa.

Có thể khẳng định, tư duy của nông dân Việt Nam đang bước đầu chuyển từ tư duy theo phương thức canh tác, lối sống văn minh công nghiệp. Và trong quá trình tiếp biến này, vừa có sự kế thừa, chọn lọc những giá trị tiến bộ, đồng thời cũng mạnh dạn bỏ qua những yếu tố mang tính cản trở, không phù hợp của tư duy truyền thống. Tuy nhiên, cũng có những biểu hiện của xu hướng đề cao một cách thái quá

những yếu tố truyền thống hoặc yếu tố mới. Chẳng hạn, khi cái tôi-cá nhân được khẳng định, đề cao, đôi khi trở nên lấn át tính cộng đồng. Khi nhận xét về hiện tượng này, nhà nghiên cứu Nguyễn Ngọc Hà nêu rõ mặt trái trong tư duy, lối sống người Việt Nam hiện nay: “Quan điểm thực dụng, văn hóa tiêu dùng gia tăng nhanh chóng trong xã hội hiện nay. Tư tưởng, tâm lý thực dụng không hoàn toàn xấu, nó khiến cho người ta có động lực làm việc, sáng tạo. Song lại để ra các hành vi làm phá hoại đạo đức truyền thống, hình thành nên kiểu sống cá nhân chủ nghĩa, “sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”, kiểu sống hờ hững và ích kỷ với những người xung quanh. Thanh niên là tầng lớp chịu tác động quá nhiều và cũng thể hiện rất rõ lối sống phương Tây” (Nguyễn Ngọc Hà, 2011, tr. 177). Hoặc cũng có khi, tính cộng đồng, tính tập thể được đề cao quá mức, dẫn đến mờ nhạt cái tôi-cá nhân và triệt tiêu động lực cho sự phát triển.

5. BIẾN ĐỔI TRONG TÍN NGƯỠNG, PHONG TỤC, LỄ HỘI

Tín ngưỡng, phong tục, lễ hội truyền thống của người nông dân Việt Nam khá đa dạng, phong phú, như sùng bái tự nhiên, tôn thờ phồn thực, “đề cao” linh hồn của người đã mất là phổ biến trong hệ thống tâm linh của người Việt nói chung và nông dân nói riêng⁽¹⁾, đặc biệt khi khoa học chưa phát triển. Những tín ngưỡng đó là cơ sở hình thành các phong tục, tập quán, lễ hội và các sinh hoạt văn hóa dân gian truyền thống của nông dân. Nói đến lễ hội của người nông dân Việt, không thể không kể đến Lễ xuống đồng, Lễ cơm mới, Lễ cầu mưa, cầu nắng, Lễ cầu ngư... Các lễ hội đó đều liên quan đến vòng đời của cây lúa.

Các sinh hoạt văn hóa dân gian truyền thống như múa, hát, biểu diễn âm nhạc cũng mang nhịp điệu của lao động nông nghiệp, mô tả các động tác cày cấy, gặt hái, chèo thuyền... Các nhạc cụ mà người Việt dùng (sáo, kèn, chiêng, trống...) được tạo ra từ sản phẩm nông nghiệp.

Hiện nay, đời sống vật chất, nhu cầu hưởng thụ của người nông dân được nâng lên, cùng với tác động của sự may rủi trong sản xuất do kinh tế thị trường gây ra, và mặt trái của những tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại, cuộc sống tinh thần của con người dường như “kém an toàn” hơn,... Phải chăng, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự “biến đổi nhanh” của các hoạt động về tín ngưỡng, phong tục, lễ hội truyền thống hiện tại.

Một số hoạt động tín ngưỡng, phong tục, lễ hội bị gác lại trong điều kiện cả nước tập trung cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, nay có điều kiện khôi phục, bùng nổ và hiện đại hóa. Đời sống văn hóa, tinh thần của nông dân, nhìn chung khá phong phú, đa dạng và diễn biến cũng theo chiều hướng phức tạp. Sự tái dựng những phong tục, tập quán... không mang lại lợi ích cho đời sống tinh thần, không phù hợp với văn minh hiện đại đang diễn ra ở một số địa phương, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ. Mục đích kinh tế được đặt lên hàng đầu trong nhiều hoạt động văn hóa lễ hội, trong các sản phẩm văn hóa truyền thống dân tộc đặc sắc. Ngay cả nhiều phong tục, tập quán của gia đình (hôn nhân, ma chay, giỗ, tết...) cũng được hạch toán lỗ lãi rõ ràng. Sự khoa trương các lễ hội cũng là điều phổ biến. Tính tâm linh, giá trị văn hóa đã mất dần trong nhận thức, tư duy của con người.

Để lối sống của người nông dân trong xã hội hiện đại phát triển bền vững hơn cần có tư duy, nhận thức đúng và khoa học trong và khi tìm tòi những phương cách phù hợp và đáp ứng được mối quan hệ rất tự nhiên giữa *tự nhiên* và *con người*, giữa *tự nhiên*, *con người* và *văn hóa*, giữa *tự nhiên*, *con người* và *nhu cầu* của con người. Như Trần Quốc Vượng đã viết: “Nói đến nông nghiệp, làng xóm... là phải nói đến *thiên nhiên*, *tự nhiên*, mà thực ra, nói rộng hơn, đã nói đến *văn hóa*, là phải nói đến *tự nhiên*, vì, xét cho đến cùng, cái *văn hóa* chỉ là cái *tự nhiên*, được thích ứng và biến đổi bởi *con người*, để thỏa mãn những *nhu cầu* về mọi mặt của con người” (Trần Quốc Vượng, 2000, tr. 71).

Trên đây là những biến đổi cơ bản và một số vấn đề đang đặt ra trong quá trình biến đổi lối sống của nông dân Việt Nam. Những vấn đề đó cho thấy, sự phát triển lối sống của nông dân và nông thôn Việt Nam đang có biểu hiện thiếu bền vững. Để khắc phục sự phát triển thiếu bền vững trong xây dựng nông thôn mới hiện nay, các cấp chính quyền, các tổ chức xã hội và bản thân người nông dân cần tập trung trước hết vào giải quyết vấn đề tạo việc làm phù hợp, ổn định cho nông dân, nhất là đối với bộ phận nông dân bị thu hồi đất canh tác. Đó chính là vấn đề then chốt trong hàng loạt những chính sách phát triển kinh tế-xã hội và an sinh xã hội đối với nông dân hiện nay. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Người Việt Nam thờ Pháp Vân, Pháp Lôi, Pháp Điện, Pháp Vũ, thờ Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ, thờ Thành hoàng làng, thờ Tổ nghề...

(Xem tiếp trang 58)

Lễ, Long Kiên, Long Xuyên và Long Hương với tổng số đất thực canh là 359 mẫu, 9 sào, 4 thước 3 tấc. □

CHÚ THÍCH

- (1) *Đại Nam thực lục tiền biên* dịch là Hưng Phúc, trước đó gọi là Mối Xuy.
- (2) Kinh đô Udong ở gần thủ đô Phnôm Pênh hiện nay thành lập từ năm 1620 và tồn tại đến năm 1867 mà sử Việt ghi là Long Úc.
- (3) Nay ở thị trấn Long Điền.
- (4) Sử Campuchia không còn nhắc tên của hoàng hậu Ang Cuv vào thời điểm xảy ra cuộc chiến vào năm 1674.
- (5) Vốn là thương nhân tỉnh Phúc Kiến... sang trọ ở Đại Phố (Biên Hòa), kết bè đảng ngầm mưu nổi loạn đánh úp lấy Trấn Biên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chí Thân. 2010. *Tường (thành), dấu tích*

vùng đất xứ Mô Xoài được phát hiện. Thông tin Khoa học Lịch sử Bà Rịa-Vũng Tàu, Xuân Canh Dàn.

2. Cristoforo Boori. 1931. *Bản tường trình về xứ Đàng Trong năm 1621*. Tạp chí Bulletin des amis du vieux Hue. Bản dịch. 2003. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
3. Nguyễn Đình Thống. 2009. *Dấu tích còn lại của lũy Mô Xoài*. Thông tin Khoa học Lịch sử Bà Rịa-Vũng Tàu. Số 17.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1962. *Đại Nam nhất thống chí*.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1962. *Đại Nam thực lục tiền biên*. Bản dịch. Hà Nội: Nxb. Sử học.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1995. *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (Cao Tự Thanh dịch). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
7. Trịnh Hoài Đức. 1999. *Gia Định thành thông chí* (Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

(Tiếp theo trang 38)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Kim Sơn. 2008. *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam - Hôm nay và mai sau*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đỗ Đức Quân. *Một số giải pháp nhằm phát triển bền vững nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ trong quá trình xây dựng, phát triển các khu công nghiệp*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Nguyễn Ngọc Hà. 2011. *Đặc điểm tư duy và lối sống của con người Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Phan Huy Lê-Vũ Minh Giang (Chủ biên).

1994. *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*. Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX07. Đề tài KX07.02. Tập 1, 2. Hà Nội.

5. Trần Quốc Vượng. 2000. *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
6. Trần Thị Minh Ngọc. 2010. *Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2020*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Trần Văn Giàu. 1980. *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.